



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science

Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn

ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.1956.1804>

MỘT SỐ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG THUẬT NGỮ “NAM TÍNH ĐỘC HẠI”

Phan Thị Thùy Linh

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Phú Yên, Việt Nam

Email: phanthithuylinh@pyu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/12/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 03/01/2025; Ngày duyệt đăng: 02/4/2025

Tóm tắt

Bài báo này làm rõ những lưu ý khi sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại” trong nghiên cứu giới. Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu trên các tạp chí uy tín nghiên cứu về giới, nam giới và nam tính; phương pháp phân tích diễn ngôn, chúng tôi nhận thấy, “nam tính độc hại” đã chỉ ra được các khía cạnh tiêu cực của “nam tính truyền thống”, gây ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của nam giới. Tuy nhiên, nó cũng có một số hạn chế. Thứ nhất, “nam tính độc hại” có khi được đồng nhất với “nam tính truyền thống”, dẫn đến hạ thấp nam giới; có khi được sử dụng để đối lập với “nam tính tự nhiên”, qua đó đổ lỗi cho tính độc hại là do xã hội hiện đại gây ra. Thứ hai, nó thường để nhận diện một cá nhân cụ thể và thường là những cá nhân bên lề xã hội, do đó nó cũng cá nhân hóa vấn đề bất bình đẳng giới thay vì xem đây là một vấn đề mang tính hệ thống. Theo chúng tôi khi sử dụng “nam tính độc hại” như một khái niệm phân tích cần lưu ý không sử dụng như một công cụ buộc tội mà nên sử dụng như một công cụ phê phán các định kiến giới.

Từ khóa: Bất bình đẳng giới, định kiến giới, “nam tính độc hại”, “nam tính truyền thống”.

Trích dẫn: Phan, T. T. L. (2026). Một số lưu ý khi sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại”. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(4), 115-125. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.1956.1804>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

SOME NOTES ON USING THE TERM “TOXIC MASCULINITY”

Phan Thi Thuy Linh

Department of Social Sciences and Humanities, Phu Yen University, Vietnam

Email: phanthithuylinh@pyu.edu.vn

Article history

Received: 04/12/2024; Received in revised form: 03/01/2025; Accepted: 02/04/2025

Abstract

This article clarifies the term “toxic masculinity” in gender research. Synthesizing reputable academic journals on gender, men, and masculinities under the discourse analysis approach, the study identifies that “toxic masculinity” highlights the negative dimensions of “traditional masculinity”, which adversely impact men’s physical and mental health. However, the concept also presents certain limitations. First, “toxic masculinity” is sometimes identified with “traditional masculinity”, resulting in the denigration of men. At other times, it contradicts “natural masculinity”, thereby attributing the toxic elements solely to the influence of modern society. Second, the term is often employed to identify specific individuals, specially those on the margins of society, which personalizes gender inequality issues rather than framing them as systemic problems. The authors argue that when employing “toxic masculinity” as an analytical concept, it should not be used as a tool for accusing individuals. Instead, it should serve as a critical instrument to gender stereotypes.

Keywords: *Gender inequality, gender stereotypes, “toxic masculinity”, “traditional masculinity”.*

1. Đặt vấn đề

“Nam tính độc hại” (toxic masculinity) nổi lên trong phong trào Nam giới thần thoại (Mythopoetic men’s movement) những năm 1980 do Shepherd Bliss khởi xướng. Bliss đặt ra thuật ngữ “độc hại” là để mô tả tính độc tài, quân sự hóa của cha mình. Ông sử dụng thuật ngữ y tế (độc hại = toxic) vì cho rằng đây cũng là căn bệnh nên cũng có thuốc giải độc. Dưới ảnh hưởng của làn sóng nữ quyền mạnh mẽ, những giá trị “nam tính truyền thống” trước đây vốn được đề cao nay bị lên án là đang chống lại phụ nữ. Phong trào trên đã khuyến khích nam giới khám phá cảm xúc của họ thông qua việc kể những câu chuyện thần thoại, truyện cổ tích và vượt qua những rào cản ngăn cản sự thể hiện cảm xúc. Qua đó giúp nam giới định vị lại vai trò của mình trong xã hội và thoát khỏi những quan niệm độc hại về nam tính. Văn bản nổi tiếng nhất của phong trào là “*Iron John: A Book about Men*” của nhà thơ Robert Bly. Ông cho rằng “năng lượng nam giới” đã bị pha loãng bởi xã hội công nghiệp hiện đại. Do đó, đàn ông phải khôi phục “nam tính tự nhiên” bằng cách tham gia vào các nghi lễ gắn kết thời các bộ lạc chỉ dành riêng cho nam giới. Tiếp đến, năm 1990, Phong trào Promise Keeper (một tổ chức Tin lành dành cho nam giới xuất phát từ Hoa Kỳ - phản đối hôn nhân đồng tính, ủng hộ sự thống trị của nam giới dị tính trong gia đình) cũng đã đổ lỗi cho “nam tính độc hại” là do xã hội hiện đại, do phong trào nữ quyền gây ra.

“Nam tính độc hại” ban đầu chủ yếu sử dụng trong các phong trào của nam giới sau đó, thuật ngữ này đã đi vào các tài liệu về chính sách và học thuật. Tuy nhiên, nhiều học giả đã sử dụng nó nhưng không định nghĩa, chỉ mô tả mà không lý thuyết hóa. Như vậy “nam tính độc hại” là gì? Độc hại với ai? Những nam tính nào thì được cho là độc hại? Hay nam tính có thực sự độc hại? Qua bài báo này, chúng tôi muốn làm rõ các câu hỏi này cũng như những lưu ý khi sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại” trong nghiên cứu giới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu thứ cấp gồm các công trình, bài báo đã được xuất bản trên những tạp chí nghiên cứu về giới, nam giới có uy tín và được kiểm duyệt về mặt học thuật. Chúng tôi phân thành 2 mảng tài liệu gồm (1) các tài liệu nghiên cứu tổng quan về nam tính; giải thích thuật ngữ, nguồn gốc, lịch sử sử dụng của “nam tính độc hại” và (2) các tài liệu nghiên cứu các ảnh hưởng của “nam tính độc hại” đến sức khỏe nam giới. Từ những nghiên cứu này, chúng tôi phân tích những mặt tích cực, hạn chế và các lưu ý trong cách sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại”.

Chúng tôi cũng sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn (discourse analysis), tập trung vào việc phân tích ngôn ngữ và cách mà các cấu trúc quyền lực xã hội, trong trường hợp này là nam tính, được thể hiện và duy trì thông qua lời nói hàng ngày. Qua đó, chúng tôi làm rõ cách sử dụng “nam tính độc hại” phổ biến ở Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái niệm “nam tính độc hại”

Trước khi định nghĩa “nam tính độc hại”, chúng ta cần hiểu về nam tính. Nghiên cứu về nam tính bùng nổ từ những năm 1980 ở phương Tây. Có nhiều cách định nghĩa nam tính tùy theo viễn tượng lý thuyết. Theo quyết định luận sinh học hay bản thể luận, nam tính là kết quả của các yếu tố sinh lý như hormone, nhiễm sắc thể... Do đó nam tính là bất biến và gắn với các đặc điểm về giới tính. Khái niệm nam tính thường dùng là tính chất để phân biệt nam giới và nữ giới.

Trong khi, các nhà nghiên cứu theo lý thuyết kiến tạo xã hội đã phản bác sự bất biến của nam tính. Theo Viện Nghiên cứu phát triển xã hội (2020, tr. 9), nam tính là một mô hình cụ thể của các hành vi hoặc thực hành xã hội có liên quan đến những ý tưởng về cách nam giới

nên ứng xử và vị trí của họ trong quan hệ giới. Theo Kramarae & cs. (2000), nam tính là bất cứ đặc tính nào được gắn với bề ngoài hay hành vi tạo nên tính đàn ông về mặt xã hội và văn hóa (dẫn từ Phạm & Nguyễn, 2008). Pilcher và Whelehan (2022, tr. 217) cho rằng “nam tính là tập hợp các thực hành xã hội và trình hiện văn hóa gắn với việc làm một người đàn ông”. Như vậy, nam tính là một kiến tạo xã hội thay vì sản phẩm của tự nhiên. Do đó không bao giờ chỉ tồn tại một kiểu nam tính độc tôn trong xã hội mà phải là những kiểu nam tính (masculinities). Thừa nhận sự đa dạng của nam tính là bước ngoặt quan trọng trong các nghiên cứu về nam giới và nam tính (Khuất & cs., 2021).

Connell (1995) cho rằng có một hệ thống phân cấp nam tính: đứng đầu là nam tính bá quyền (hegemonic masculinity), thứ hai là nam tính thứ cấp (subordinated masculinity), thứ ba là nam tính đồng lõa (complicit masculinity) và cuối cùng là nam tính bị lề hóa (marginalized masculinity). Nam tính bá quyền được đề cao ở phương Tây thuộc về những người đàn ông da trắng, dị tính, trung lưu. Nam tính bị lề hóa gồm đồng tính nam, nam giới da đen, nam giới dân tộc thiểu số... Nam tính bá quyền độc tôn, thống trị các nam tính khác, nữ tính và đồng tính. Mặc dù không dùng thuật ngữ “nam tính độc hại”, nghiên cứu của Connell là nền tảng quan trọng để hiểu về chủ đề này. “Nam tính độc hại” là một biểu hiện của nam tính bá quyền, nơi những phẩm chất như hung hăng, kiểm soát và coi thường sự yếu đuối được tôn vinh. Messerschmidt (2018) đã phân tích lại khái niệm “nam tính bá quyền” và làm rõ cách mà nó có thể biến thành các biểu hiện độc hại, bao gồm bạo lực và áp bức đối với cả nam và nữ.

Thuật ngữ “nam tính độc hại” ngày càng xuất hiện nhiều hơn trong các văn bản học thuật kể từ sau năm 2016. Tuy nhiên, các học giả sử dụng khái niệm này thường không định nghĩa nó hoặc không tích hợp nó vào trong các lý thuyết rộng hơn về nam tính. Qua khảo sát hơn 60 bài báo học thuật có đề cập đến nam tính độc hại nhưng hơn một nửa trong số đó không xác định được nó là gì (Harrington, 2020). Sculos (2017) cho rằng, trong rất ít định nghĩa “nam tính độc hại”, một trong những cách sử dụng học thuật nổi bật nhất là của Kuper (2005): “Nam tính độc hại là một tập hợp những đặc điểm nam tính thoái trào về mặt xã hội nhằm thúc đẩy sự thống trị, hạ thấp giá trị phụ nữ, kì thị đồng tính và bạo lực bừa bãi”. Định nghĩa này của Kuper có ưu điểm là nêu lên được những diễn ngôn nam tính đã thúc đẩy tính nam độc hại.

3.2. “Nam tính truyền thống”, “nam tính tự nhiên” và “nam tính độc hại”

“Nam tính truyền thống” là một khái niệm nam tính dựa trên các chuẩn mực truyền thống, mô tả những đặc điểm và hành vi được kỳ vọng ở nam giới trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. “Các chuẩn mực truyền thống của phương Tây thường được coi là bá quyền vì chúng góp phần duy trì vị thế thuận lợi của nam giới trong hệ thống phân cấp giới tính” (Iacoviello & cs., 2022). Everitt-Penhale và Ratele (2015) cho rằng “nam tính truyền thống” thường bị nhìn nhận một cách tĩn tại và như một thực thể tiêu cực. Trong khi “nam tính truyền thống” là một tập hợp các giá trị và thực hành được xây dựng, có thể biến đổi và khác nhau tùy vào bối cảnh văn hóa, lịch sử. Ngoài ra, “nam tính truyền thống” không nên bị đánh đồng một cách thiếu phê phán với “nam tính bá quyền”. Trong một số trường hợp, “nam tính truyền thống” có thể không giữ vai trò bá quyền mà lại bị lề hóa trong các bối cảnh xã hội lớn hơn. Tác giả kêu gọi tiếp cận “nam tính truyền thống” một cách phê phán hơn, tránh các giả định đơn giản hóa và cần xem xét bối cảnh lịch sử, xã hội khi sử dụng thuật ngữ này.

Ở Việt Nam, “nam tính truyền thống” chịu ảnh hưởng lớn của tư tưởng Nho giáo với chuẩn mực “tam cương, ngũ thường”. Người đàn ông được xem là “gia trưởng”, chịu trách nhiệm chính về việc quản lý gia đình và bảo đảm kinh tế. Các chuẩn mực truyền thống thường bao gồm: sức mạnh, trụ cột, kiềm chế cảm xúc, quyền kiểm soát... Tuy nhiên, “nam tính truyền thống” cũng có mặt tích cực khi đề cao những chuẩn mực đạo đức như: “nhân, trí, dũng”, sự hiếu thảo. Các chuẩn mực truyền thống khuyến khích nam giới theo đuổi thành công và đóng

góp tích cực cho xã hội.

Vào năm 2019, Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ (APA) đã ban hành hướng dẫn về cách làm việc với nam giới và trẻ em trai, cụ thể là cách đối phó với những người tuân theo các khái niệm về “nam tính truyền thống”. APA định nghĩa “nam tính truyền thống” là “được đánh dấu bằng chủ nghĩa khắc kỷ, tính cạnh tranh, sự thống trị và tính hung hăng, những điều nhìn chung, là có hại” (Pappas, 2019). Những khuyến nghị này sau đó được nhiều phương tiện truyền thông coi là hướng dẫn về “nam tính độc hại”, dẫn đến đồng nhất “nam tính truyền thống” với “nam tính độc hại”. Các quan điểm tiêu cực về nam tính của APA đã bị chỉ trích vì đã hạ thấp nam giới và trẻ em nam (Ferguson, 2023). Do đó, năm 2022, Phân ban 51 (Hiệp hội Nghiên cứu Tâm lý về Nam giới và Nam tính - SPSMM) của APA đã thay đổi tuyên bố sứ mệnh của mình. Sứ mệnh của Phân ban 51 của APA không còn là thúc đẩy ý tưởng rằng giới tính hạn chế cuộc sống của nam giới, cũng không phải là làm xói mòn quan niệm truyền thống về nam tính. Sứ mệnh mới là thúc đẩy “thực hành tâm lý dựa trên bằng chứng và nghiên cứu thực nghiệm về cách các vai trò giới liên quan đến sức khỏe thể chất và tinh thần của nam giới và trẻ em trai” (Barry, 2022). Như vậy, “nam tính độc hại” không thể đồng nhất với “nam tính truyền thống”. Chỉ khi bị đẩy lên mức cực đoan, một số khía cạnh của “nam tính truyền thống” có thể trở thành “nam tính độc hại” ví dụ như bạo lực, gia trưởng hoặc áp đặt quyền lực.

Một khái niệm cũng dễ gây nhầm lẫn với “nam tính truyền thống” là “nam tính tự nhiên” (natural masculinity). Khái niệm này do Robert Bly, nhà thơ và nhà văn nổi tiếng người Mỹ, đã giới thiệu trong cuốn sách “Iron John: A Book About Men”. Theo Bly (2015), “nam tính tự nhiên” không phải là sự hung hăng hay thống trị, mà là trạng thái sống thật với bản năng, kết nối với cảm xúc và tự do. Các đặc điểm chính của “nam tính tự nhiên” là: sự nguyên sơ (phản ánh những phẩm chất cơ bản và tự nhiên của một người đàn ông); kết nối với nội tâm (người đàn ông cân khám phá và kết nối với nội tâm của mình, bao gồm cả những khía cạnh bị che giấu hoặc bị phủ nhận); sự cân bằng cảm xúc và sức mạnh (thay vì kiềm chế hoặc phủ nhận cảm xúc, họ cần học cách sống hòa hợp với những cảm xúc như buồn bã, sợ hãi, và giận dữ, xem chúng như một phần của con người thật); kết nối với thiên nhiên và biểu tượng (sử dụng hình ảnh thiên nhiên và các biểu tượng cổ xưa để minh họa “nam tính tự nhiên”, chẳng hạn như các thần thoại, nghi thức truyền thống, và các mối quan hệ của người đàn ông với đất mẹ).

Ở đây chúng ta thấy “nam tính tự nhiên” được hiểu khác với “nam tính truyền thống” khi nó không áp đặt nam giới trong những chuẩn mực cứng nhắc chẳng hạn như vai trò trụ cột và thể hiện sức mạnh. “Nam tính tự nhiên” cũng đối lập với “nam tính độc hại”, thể hiện rõ nhất ở việc nó cho rằng tính độc hại là khi nam giới không được thể hiện cảm xúc chân thật của mình. Tuy nhiên, thay vì cho rằng một số phẩm chất nam tính có thể gây độc hại cho xã hội, nó lại đổ lỗi cho tính độc hại là do xã hội hiện đại đã làm phai nhạt những phẩm chất “nam tính tự nhiên” bằng cách làm yếu đi sự kết nối giữa các thể hệ nam giới, áp đặt các vai trò giới hạn, như trụ cột gia đình hoặc chiến binh. Bly kêu gọi đàn ông trở về với “người đàn ông hoang dã” (wild man) - một biểu tượng của sự tự do, sức mạnh và trực giác.

3.3. Ảnh hưởng của “nam tính độc hại”

“Nam tính độc hại” chủ yếu được sử dụng trong các nghiên cứu về nam tính, để mô tả các khía cạnh tiêu cực của “nam tính truyền thống”. Cụ thể áp lực xã hội về vai trò giới khuyến khích nam giới tham gia vào các hành vi có nguy cơ cao ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc, lạm dụng rượu bia, từ chối thắt dây an toàn đặt sức khỏe của họ vào tình thế nguy hiểm. Người đàn ông xây dựng nam tính là coi công việc quan trọng hơn mọi trách nhiệm khác có thể không dành thời gian cho việc chăm sóc bản thân, thể hiện sự tự lập nên không muốn tìm kiếm sự giúp đỡ y tế khi cần thiết. (Courtenay, 2000; Mahalik & cs., 2007). Kuper (2005) cho

rằng các tù nhân thường cảm thấy không được tôn trọng và luôn nỗ lực trong tuyệt vọng để đạt được sự tôn trọng, điều này dẫn đến gia tăng sự độc hại của nam tính. Nhiều tù nhân rất cần các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần. Tuy nhiên, “nam tính độc hại” là một trong những trở ngại dẫn đến sự phản kháng trong liệu pháp tâm lý.

Một số nghiên cứu đã sử dụng các công cụ và thang đo lường để xác định những yếu tố độc hại của nam tính. Levant và Richmond (2008) nghiên cứu về hệ tư tưởng nam tính, sử dụng các công cụ đo lường như “Male Role Norms Inventory” (Bảng kiểm kê chuẩn mực vai trò nam giới - MRNI) để xác định những yếu tố có liên quan đến các hành vi và thái độ mà có thể xem là độc hại. O’Neil (2008) đánh giá 232 nghiên cứu thực nghiệm đã sử dụng Thang đo xung đột vai trò giới (Gender Role Conflict Scale - GRCS) trong 25 năm qua (1982-2007). Từ đó, thảo luận về xung đột vai trò giới của nam giới, một hiện tượng xảy ra khi nam giới cố gắng đáp ứng những kỳ vọng xã hội không thực tế về nam tính, dẫn đến căng thẳng, bạo lực và tự hủy hoại.

Các nghiên cứu về “nam tính độc hại” ở Việt Nam còn rất ít, chủ yếu được công bố trên các tạp chí nước ngoài. Dinh & cs. (2022) đã thực hiện đo lường “nam tính độc hại” của sinh viên của bằng cách sử dụng Bản kiểm kê sự phù hợp với các chuẩn mực nam tính (CMNI) của Levant. Kết quả phân tích số liệu cho thấy mức độ tuân thủ các chuẩn mực nam tính của sinh viên Việt Nam ở mức độ vừa phải. Một nghiên cứu khác của Hoang & cs. (2013) tìm hiểu một dự án thí điểm Câu lạc bộ Đàn ông có trách nhiệm, được triển khai tại một huyện ven biển ở Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2012 nhằm giúp nam giới chấm dứt bạo lực với vợ. Nghiên cứu không đề cập đến nam tính độc hại nhưng tập trung vào khái niệm “nam tính tích cực” trong bối cảnh cộng đồng Việt Nam và đề xuất việc tái định nghĩa vai trò của nam giới như một phần của các nỗ lực chống lại bạo lực giới. Tác giả thảo luận về việc làm thế nào những đặc điểm truyền thống của nam tính có thể được thay đổi để tạo ra các hành vi tích cực hơn.

Năm 2020, Viện Nghiên cứu phát triển xã hội đã khảo sát 2657 nam giới trong độ tuổi từ 18-64 tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Khánh Hòa. Phần lớn những người trả lời, bất kể độ tuổi, hoàn cảnh xuất thân và địa bàn sinh sống, đều nhấn mạnh giá trị trọng tâm của một người đàn ông đích thực, đó là vai trò trụ cột gia đình. Nam giới Việt Nam có xu hướng cho rằng một trong những bồn phận trước nhất của họ là nuôi sống gia đình. Do đó, tài chính và sự nghiệp được phát hiện là hai vấn đề gây áp lực lớn nhất cho nam giới cả nông thôn và đô thị. Gần một phần tư nam giới tham gia khảo sát đã thừa nhận họ cảm thấy áp lực trong cuộc sống, trong đó có hơn 80% cảm thấy bị áp lực về tình trạng tài chính, và gần 70% bị áp lực về sự nghiệp. Áp lực đối với nam giới có xu hướng giảm dần theo độ tuổi nhưng lại gia tăng theo trình độ học vấn và với thời gian làm việc. Đề đối phó với những áp lực và tình trạng căng thẳng, nhiều nam giới Việt đã tìm đến những thực hành có hại, trong đó hút thuốc lá và uống rượu bia là hai hành vi phổ biến nhất. “Đáng chú ý là có gần 3% số nam giới tham gia khảo sát có ý định tự tử, tỷ lệ này tăng tới 5,4% (tỷ lệ cao nhất) trong nhóm nam giới ở độ tuổi 18-29” (Viện Nghiên cứu phát triển xã hội, 2020).

3.4. “Nam tính độc hại” cá nhân hóa vấn đề bất bình đẳng giới

Theo Sculos (2017), “Thuật ngữ nam tính độc hại rất hữu ích trong các cuộc thảo luận về giới tính và các hình thức nam tính vì nó mô tả những khía cạnh của nam tính bá quyền có tính hủy hoại xã hội, chẳng hạn như kỳ thị phụ nữ, kỳ thị đồng tính, tham lam và thống trị bạo lực. Thuật ngữ này cũng được sử dụng như một khái niệm phân tích để phê phán sự tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực nam tính với mục tiêu lật đổ chính những chuẩn mực đó”. Mặt khác nó được sử dụng bởi các phong trào Mythopoetic Men hay Promise Keepers để củng cố vai trò trụ cột của người cha, củng cố các định kiến của chế độ gia trưởng. Các phong trào này đòi khôi phục lại “nam tính truyền thống” và “nam tính tự nhiên” cho đàn ông da trắng, trung lưu, dị tính. “Thay vì tìm kiếm sự chuyển đổi, họ đã áp dụng chính trị phản nữ quyền mạnh

mẽ và các quan niệm phản động công khai về sự trở lại của các vai trò giới tính thông qua việc thúc đẩy tâm nhìn về “người cha nhân từ” là người cung cấp kinh tế và tinh thần cho gia đình (hạt nhân)” (Sculos, 2017).

“Nam tính độc hại” cũng thường được sử dụng các tài liệu để chỉ ra mối quan hệ xa cách giữa cha và con. Harrington (2020) đã dẫn lại ba nghiên cứu về nguyên nhân được cho là đã tạo nên những người đàn ông “nam tính độc hại”. Cụ thể Pittman (1993) cho rằng những người đàn ông không thể hiện vai trò làm cha đầy đủ sẽ theo đuổi những hình ảnh văn hóa phi thực tế về nam tính và thường xuyên cảm thấy cần phải chứng tỏ bản lĩnh đàn ông của mình. Biddulph (1997) kết luận con trai cần mối liên kết chặt chẽ với người cha/người cố vấn nam để tránh trở thành những người đàn ông “nam tính độc hại”, trong khi các bà mẹ không thể trao cho chúng điều này. Hay Eberly (1999) cho rằng những thanh niên bạo lực có thể đã lớn lên thiếu vắng người cha hoặc có một người cha thiếu cảm xúc. Các nghiên cứu trên cho rằng, nam tính độc hại có thể chữa khỏi thông qua việc thu hút đàn ông vào vai trò làm cha. Điều này có mặt tích cực là thiết lập mối quan hệ gần gũi với cha con, làm giảm tính bạo lực của nam giới, nhưng cũng thúc đẩy củng cố hình ảnh người đàn ông gia trưởng trong gia đình.

Thuật ngữ nam tính độc hại sau đó tiếp tục được sử dụng trong các phong trào Me Too (#MeToo được sử dụng phổ biến từ năm 2017 như một hashtag trên phương tiện truyền thông để giúp chứng minh sự phổ biến rộng rãi của nạn quấy rối và bạo hành tình dục, đặc biệt là tại nơi làm việc), trong các vụ xả súng hàng loạt ở Hoa Kỳ, các phong trào của chủ nghĩa khủng bố. Phần lớn người thực hiện đều là nam giới và người ta có xu hướng quy kết “nam tính độc hại” là nguyên nhân của những sự việc khủng khiếp này. Bạo lực và quấy rối tình dục khi đó có thể được coi là đặc điểm của nam giới lạc hậu và tinh thần kém. Như vậy, khi sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại”, người ta có xu hướng tìm ra ai độc hại và quy kết trách nhiệm về một cá nhân cụ thể. Harrington (2020) khuyến nghị các học giả theo chủ nghĩa nữ quyền nên coi “nam tính độc hại” như một cánh cửa nhìn vào chính trị giới đương đại, chứ không nên áp dụng thuật ngữ này như một khái niệm phân tích. Một số chính trị gia lên án “nam tính độc hại” nhưng lại sử dụng để đề cao “nam tính anh hùng” (masculines heroes) của mình. Một số đàn ông ưu tú lên án “nam tính độc hại” có thể củng cố quyền bá chủ giới như thế nào. Do đó, Harrington (2020) cho rằng thuật ngữ này “có khả năng triệu hồi một loại nhân vật dễ nhận biết” nhưng “các đặc quyền về thể chế và cấu trúc mà nam giới tích lũy được (cái mà Connel gọi là “cỗ tức phụ hệ”) bị che khuất một cách có hệ thống”.

3.5. “Nam tính độc hại” độc hại với ai?

“Nam tính độc hại” biểu hiện cả trong gia đình, công việc, xã hội. Trong gia đình thể hiện rõ ở việc đặt gánh nặng trụ cột lên người đàn ông khiến họ bị căng thẳng, áp lực trong việc phải có sự nghiệp và kiếm được nhiều tiền. Ngay cả khi không kiếm được nhiều tiền, họ vẫn muốn là người trụ cột và ra quyết định. (Viện Nghiên cứu phát triển xã hội, 2020).

Trong công việc, “nam tính độc hại” thể hiện ở quyền lực của nam giới áp đặt, coi thường hoặc đánh giá thấp năng lực đồng nghiệp nữ, cho rằng nữ giới không phù hợp với vai trò lãnh đạo. Gần 70% người được khảo sát cho rằng nam giới lãnh đạo tốt hơn nữ giới. Tương tự, gần 70% cho rằng nam giới làm việc hiệu quả hơn nữ giới (Viện Nghiên cứu phát triển xã hội, 2020, tr.17). Ngoài ra, nó xem những công việc mang tính kỹ thuật không phù hợp với nữ giới, tính cạnh tranh cao, coi đồng nghiệp như đối thủ, đặt công việc lên trên hết đến mức làm việc kiệt sức... “Berdahl & cs. (2018, tr. 430) nhận định, tại các tổ chức tồn tại một sự sáp nhập giữa khả năng làm việc vượt trội và nam tính; trở thành một nhân viên giỏi tức là đã thành đàn ông, và trong cuộc đua nam tính, người chiến thắng sẽ trở thành Người Đàn Ông (the man) của tổ chức” (Phạm & cs., 2023, tr. 92). Như vậy những phụ nữ làm việc giỏi hay những phụ nữ lãnh đạo có khả năng bị gán cho tính từ “đầy nam tính”.

“Nam tính độc hại” trong công việc cũng như gia đình thể hiện phổ biến qua lời nói hàng ngày (bảng). Tuy nhiên, chúng ta thường cho nó là hiển nhiên, bình thường mà không nhận ra tính “độc hại” của nó. Cấu trúc của lời nói thường là: “đàn ông gì mà + các đặc tính được cho là nữ tính”. Các lời nói này bị chi phối bởi các diễn ngôn về nam giới. Đó là (1), nam giới luôn thống trị; (2) nam giới phải mạnh mẽ (bạo lực); (3) nam giới không được có tính nữ (kỳ thị phụ nữ và người đồng tính). Các diễn ngôn này dựa trên quan điểm quy chất luận, cho rằng thống trị, bạo lực là bản chất của giống đực, do đó sự thống trị, bạo lực của nam tính là phản ánh trật tự tự nhiên sinh học giữa nam và nữ. Những chuẩn mực truyền thống mà xã hội quy định, kỳ vọng ở nam giới luôn là mạnh mẽ, độc lập, phi biểu cảm.

Bảng 1. Các biểu hiện của “nam tính độc hại” qua lời nói hàng ngày

Lời nói hàng ngày	Diễn ngôn về nam giới	“Nam tính độc hại”
<ul style="list-style-type: none"> - Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô - Đàn ông phải nằm trên - Đồ bất tài - Dừng để vợ ngồi lên đầu/ đội vợ lên đầu - Đồ nhu nhược - Đàn ông gì mà nấu cơm/đi chợ/tún mủn 	Nam giới luôn thống trị	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn cho nam giới là vượt trội hơn nữ giới - Luôn cho nam giới là trụ cột gia đình - Phải có quyền lực/tài để được tôn trọng - Độc đoán - Không làm việc nhà
<ul style="list-style-type: none"> - Làm ơn đàn ông lên giùm tỳ - Không đáng mặt đàn ông - Đàn ông gì mà nhiều chuyện - Nam vô tư như kỳ vô phong (đàn ông gì mà không biết nhậu/ không biết hút thuốc) - Đàn ông gì mà khóc/ yếu đuối - Đồ sợ vợ/ đồ nhát gái - Đàn ông mà hèn quạ 	Nam giới phải mạnh mẽ	<ul style="list-style-type: none"> - Phải mạnh mẽ, cứng rắn, tự giải quyết mọi vấn đề, chịu đựng nỗi đau trong im lặng - Phi biểu cảm, kìm nén cảm xúc, không biểu thị nỗi sợ - Lạm dụng chất kích thích - Bắt nạt, cạnh tranh quá mức, gây hấn, hung hăng - Bạo lực gia đình - Bạo lực/ quấy rối tình dục
<ul style="list-style-type: none"> - Đồ đàn bà/ còn thua đàn bà - Đồ bê đê - Đàn ông mặc váy/ bám váy mẹ - Đàn bà/ trẻ con biết gì mà nói - Con đó “ngon” đó/ không “chén/ xoi” được là phí. 	Nam giới không được mang tính nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Kỳ thị phụ nữ và người đồng tính - Chủ nghĩa sô vanh với phụ nữ, người đồng tính - Coi phụ nữ là vật thể (về mặt tình dục), phụ nữ là chưa trưởng thành.

Qua Bảng 1 có thể thấy “nam tính độc hại” không chỉ được thực hiện bởi nam giới mà chính nữ giới cũng thường phát ngôn những câu này. Bất cứ ai mang định kiến giới đều có thể thể hiện “nam tính độc hại”. Nếu căn cứ vào bảng trên, chúng ta có thể suy luận về các biểu hiện “nữ tính độc hại” như thế nào? Rõ ràng chúng ta hiếm khi nói hãy “nữ tính lên” hay “đàn ông”. “Nữ tính độc hại” (chẳng hạn như cam chịu, hy sinh sức khỏe cho sắc đẹp...) không kỳ thị nam giới như nam tính độc hại kỳ thị nữ giới. Bởi khác với các phong trào củng cố quyền của nam giới, vấn đề nữ quyền mang tính lịch sử và phổ quát. Phong trào nữ quyền không phải để chống lại nam giới mà để chống lại tư tưởng bá quyền, kỳ thị phụ nữ và người đồng giới. Nó cũng cung cấp những khuôn khổ lý thuyết vượt ra ngoài hệ thống nhị nguyên về giới để mỗi người được sống đúng với bản dạng giới của mình, do đó không chỉ nữ giới mà cả nam giới cũng được hưởng lợi. Do đó, theo chúng tôi, không nhất thiết phải gắn từ “độc hại” vào nam tính hay nữ tính bởi cả hai đều có khả năng độc hại nên không cần phân biệt mà

nên xem đây là một hình thức định kiến giới khi áp đặt vai trò cực đoan lên cả hai giới. Nếu hiểu độc hại theo nghĩa tạo ra sự bất bình đẳng giới thì nam tính và nữ tính đều có khả năng độc hại. “Nam tính độc hại độc hại với tất cả những ai liên quan đến nó. Những người đàn ông thực hành nó. Những người phụ nữ là nạn nhân của nó. Những người phụ nữ bảo vệ nó. Những người đàn ông là nạn nhân của nó, hoặc bị tẩy chay vì không tuân thủ nó. Những đứa trẻ bị ép phải thích nghi với nó” (Sculos, 2017). “Nó được gọi là chất độc vì nó kìm hãm và ngăn cản con người trở thành con người, khơi cảm giác và thể hiện những cảm xúc chung của con người, nó buộc phải luôn mạnh mẽ, ngay cả khi nam giới cần sự hỗ trợ hoặc an ủi” (Rotundi, 2020).

Như vậy, thay vì triển khai nam tính độc hại hay nữ tính độc hại, sẽ hữu ích hơn khi xem xét những gì có thể độc hại trong một số cách tiếp cận đối với nam tính và nữ tính. Chẳng hạn như khái niệm về “nữ tính cứng nhắc” (rigid femininities) để giải thích các cấu trúc khiến chúng ta bị nhốt trong một hệ thống giới tính “độc hại” (McCann, 2022). Theo Rotundi (2020), Eisler và Skidmore đã đưa ra ý tưởng về “căng thẳng vai trò giới nam” (Masculine gender role stress - MGRS), theo nghĩa là những cá nhân có cam kết cao với các chuẩn mực nam tính có thể phải chịu đựng đau khổ về mặt tâm lý hàng ngày. Cụ thể có 5 yếu tố khác nhau đặc trưng của MGRS: (1) cảm giác không đủ về thể chất dẫn đến lòng tự trọng thấp, (2) biểu lộ cảm xúc, (3) sự phụ thuộc vào phụ nữ dẫn đến mất đi bản sắc nam giới, (4) bộc lộ sự kém cỏi về trí tuệ và (5) thể hiện thất bại.

4. Kết luận

Thuật ngữ “nam tính độc hại” gây nhiều tranh luận về tính hữu ích, về việc có nên sử dụng như một khái niệm phân tích không. Trong một phạm vi nào đó, nó có tính phê phán những mặt cực đoan của nam tính và chấp nhận sự đa dạng của nam tính. Tuy nhiên, có khi nó được đánh đồng với “nam tính truyền thống” dẫn đến hạ thấp vai trò nam giới; có khi nó được coi là đối lập với “nam tính tự nhiên” để đổ lỗi cho tính độc hại của nam tính là do xã hội hiện đại. “Nam tính độc hại” cũng gắn với hành vi cá nhân cụ thể hơn là một hệ thống phân cấp nam tính có tính cấu trúc như phân loại nam tính của Connell để giải thích cơ chế duy trì quyền lực của nam giới trong xã hội.

Theo chúng tôi, không sử dụng “nam tính độc hại” để phân thứ bậc cao thấp trong hệ thống nam tính, đánh giá các kiểu nam tính, để kỳ thị những cá nhân ngoài lề, đổ lỗi bất bình đẳng giới là do một số đàn ông xấu. Chúng tôi cho rằng nên sử dụng nam tính độc hại để phê phán các định kiến giới, áp đặt những vai trò cực đoan lên nam giới. Nam tính cũng như nữ tính không độc hại. Cách chúng ta định nghĩa về nam tính và nữ tính theo một cách rất hẹp mới độc hại. Khi đó, nam tính và nữ tính sẽ trở thành một cái lồng chật hẹp nhốt mọi người vào trong. Những chuẩn mực, những kỳ vọng khiến một người không được sống chính là mình mới là độc hại. Do đó, vấn đề không phải là nam tính hay nữ tính, cái nào mới độc hại mà là xóa bỏ những chuẩn mực, kỳ vọng độc hại.

Hiện nay các nghiên cứu về nam tính ở Việt Nam còn khá ít. Bài báo này làm rõ cách sử dụng thuật ngữ “nam tính độc hại”, để từ đó có những nghiên cứu sâu hơn về ảnh hưởng của nó lên sức khỏe, tâm lý của nam giới ở nước ta. Đồng thời, nghiên cứu các kiến tạo nam tính đã thay đổi như thế nào để không chỉ góp phần thúc đẩy bình đẳng giới mà còn giúp nam giới thoát khỏi những quan niệm độc hại để sống hạnh phúc hơn.

Tài liệu tham khảo

- Barry, J. (2022). The APA has changed its view of masculinity. *Male Psychology. Male Psychology, 1* (10), 40-45.
- Bly, R. (2015). *Iron John: A book about men*: Hachette UK.
- Connell, R. W. (2005). *Masculinities* (2 ed.). Cambridge, UK: Polity Press.

- Courtenay, W. H. (2000). Constructions of masculinity and their influence on men's well-being: a theory of gender and health. *Social Science & Medicine*, 50(10), 1385-1401. [https://doi.org/10.1016/S0277-9536\(99\)00390-1](https://doi.org/10.1016/S0277-9536(99)00390-1).
- Dinh, D. T., Pham, C. T. M., & Nguyen, A. V. H. (2022). *Toxic masculinity in undergraduates measured with levant's conformity to masculine norms inventory (CMNI) University of Social sciences and humanities*. Trình bày tại Hội thảo The World in Crisis: The contribution of Psychology. Hanoi, Vietnam.
- Everitt-Penhale, B., & Ratele, K. (2015). Rethinking 'traditional masculinity' as constructed, multiple, and ≠ hegemonic masculinity. *South African Review of Sociology*, 46(2), 4-22. doi:10.1080/21528586.2015.1025826
- Ferguson, C. J. (2023). The American psychological Association's practice guidelines for men and boys: Are they hurting rather than helping male mental wellness? *New Ideas in Psychology*, 68, 100984. <https://doi.org/10.1016/j.newideapsych.2022.100984>.
- Harrington, C. (2020). What is "Toxic Masculinity" and Why Does it Matter? *Men and Masculinities*, 24(2), 345-352.
- Hoang, T.-A., Quach, T. T., & Tran, T. T. (2013). 'Because I am a man, I should be gentle to my wife and my children': positive masculinity to stop gender-based violence in a coastal district in Vietnam. *Gender and Development*, 21(1), 81-96.
- Iacoviello, V., Valsecchi, G., Berent, J., Borinca, I., & Falomir-Pichastor, J. M. (2022). Is traditional masculinity still valued? Men's perceptions of how different reference groups value traditional masculinity norms. *The Journal of Men's Studies*, 30(1), 7-27.
- Khuát, T. H., Nguyễn, H. N. Q., Đỗ, T. T., & Nguyễn, T. V. A. (2021). Một số nghiên cứu xã hội học về nam giới và nam tính trên thế giới. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 6, 72-73.
- Kupers, T. A. (2005). Toxic masculinity as a barrier to mental health treatment in prison. *Journal of Clinical Psychology*, 61(6), 713-724. <https://doi.org/10.1002/jclp.20105>.
- Levant, R. F., & Richmond, K. (2008). A Review of Research on Masculinity Ideologies Using the Male Role Norms Inventory. *The Journal of Men's Studies*, 15(2), 130-146.
- Mahalik, J. R., Burns, S. M., & Syzdek, M. (2007). Masculinity and perceived normative health behaviors as predictors of men's health behaviors. *Social Science & Medicine*, 64(11), 2201-2209. <https://doi.org/10.1016/j.socscimed.2007.02.035>.
- McCann, H. (2022). Is there anything "toxic" about femininity? The rigid femininities that keep us locked in. *Psychology & Sexuality*, 13(1), 9-22.
- Messerschmidt, J. W. (2018). *Hegemonic Masculinity: Formulation, Reformulation, and Amplification*. London, UK: Rowman and Littlefield.
- O'Neil, J. M. (2008). Summarizing 25 years of research on men's gender role conflict using the Gender Role Conflict Scale: New research paradigms and clinical implications. *The Counseling Psychologist*, 36(3), 358-445.
- Pappas, S. (2019). Continuing education apa issues first-ever guidelines for practice with men and boys. *Monitor on Psychology*, 35-39.
- Phạm, Q. L., Lê, Q. B., Nguyễn, M. H., Lê, Q. M., Nguyễn L. N., & Trần, V. N. G. (2023), *Bất bình đẳng giới tại nơi làm việc*, Hà Nội: Nxb Phụ nữ Việt Nam.

- Phạm, T. H. & Nguyễn, Đ. T. (2008), Nghiên cứu nam giới và nam tính ở phương Tây: Những khái niệm cơ bản. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, 18(2), 80-89.
- Pilcher, J., & Whelehan, I. (2022). *Khái niệm then chốt trong nghiên cứu giới* (Nguyễn, T.M., Biên dịch), Hà Nội: Nxb Phụ nữ Việt Nam.
- Rotundi, L. (2020). *The Issue of Toxic Masculinity*. Luiss Guido Carli, Libera Università Internazionale. Italia.
- Sam de Boise, S. (2019). Editorial: is masculinity toxic?. *NORMA*, 14(3), 147-151.
- Sculos, B. W. (2017). Who's Afraid of 'Toxic Masculinity'? *Class, Race and Corporate Power*, 5(3), 6.
- Viện Nghiên cứu phát triển xã hội. (2020). *Nam giới và nam tính trong một Việt Nam hội nhập – Những phát hiện chính từ cuộc nghiên cứu và ý nghĩa đối với bình đẳng giới*. Hà Nội: NXB Phụ nữ Việt Nam.